

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

**CHƯƠNG TRÌNH CHUYÊN SÂU THPT CHUYÊN
MÔN: TIẾNG ANH**

Hà Nội, 12/2009

LỚP 10

I. Mục đích

- Thống nhất trong phạm vi toàn quốc kế hoạch dạy học và nội dung dạy học môn Tiếng Anh cho trường THPT chuyên.
- Thống nhất trong phạm vi toàn quốc nội dung bồi dưỡng học sinh giỏi cấp THPT.

II. Kế hoạch dạy học

Tổng số tiết: 150% số tiết của chương trình nâng cao, trong đó 50% là dành cho nội dung chuyên sâu.

Học kì I: 110 tiết

Học kì II: 100 tiết

III. Nội dung dạy học

3.1 Cấu trúc nội dung dạy học

- Nội dung nâng cao: được qui định trong chương trình nâng cao môn Tiếng Anh, lớp 10, ban hành kèm theo Quyết định số 16/2006/QĐ-BGDĐT ngày 05 tháng 5 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- Nội dung chuyên sâu: gồm những chuyên đề sau
 - + Listening & speaking
 - + Reading
 - + Writing
 - + Grammar, Lexi, Phonology

3.2 Nội dung chuyên sâu

Chuyên đề 1: Listening & speaking

Số tiết: 16

TT	Nội dung	Mức độ cần đạt	Ghi chú
	<ul style="list-style-type: none">• Nghe hiểu tăng cường một số đoạn hội thoại/ độc thoại có độ dài khoảng 150- 200 từ trong phạm vi vốn từ vựng và ngữ pháp không quá 20% khó hơn chương trình nâng cao, có mở rộng tình huống, ngữ cảnh, và cách diễn đạt, được nói với tốc độ tự nhiên về những chủ điểm liên quan đến chương trình.• Phát triển kỹ năng nói trên cơ sở nội dung các bài đã nghe.	<ul style="list-style-type: none">• Nghe hiểu được nội dung khái quát và những nội dung cần biết từ các đoạn độc thoại/ hội thoại gián tiếp hoặc trực tiếp.• Củng cố và mở rộng được vốn từ vựng và cách diễn đạt ngôn ngữ về các chủ điểm đã nêu trong phần nội dung.• Hỏi đáp, trình bày, kể, thảo luận, trao đổi, liên hệ thực tế hoặc kinh nghiệm bản thân về các nội dung đã nghe với độ diễn đạt ở mức có thể hiểu được, cho phép có ngắt ngứ và có lỗi về độ chính xác ngôn ngữ và tu từ.	

--	--	--	--

Chuyên đề 2: Reading

Số tiết: 17

TT	Nội dung	Mức độ cần đạt	Ghi chỳ
	<ul style="list-style-type: none"> • Đọc hiểu các đoạn văn và bài văn với các hình thức văn bản đa dạng, có độ dài 200- 250 từ với số từ vựng, ngữ pháp mới và độ phức tạp về nội dung và 	<ul style="list-style-type: none"> • Đọc hiểu và trả lời được các câu hỏi về nội dung chi tiết từ các thông tin lấy trực tiếp trong bài đọc, đòi hỏi có chọn lọc, tổng hợp; đánh giá. • Đọc lướt lấy thông tin cần thiết; 	

	<p>ngôn ngữ không quá 20% khó hơn so với các văn bản đọc trong chương trình chuẩn, trong tình huống và ngữ cảnh mở rộng về các chủ đề có trong chương trình.</p>	<ul style="list-style-type: none"> • Biết dùng từ điển, ngữ cảnh để hỗ trợ đọc hiểu, đoán được nghĩa của từ trong ngữ cảnh; • Đọc hiểu và nhận biết được các từ/ đoạn từ đồng nghĩa, trái nghĩa và các hình thức cấu tạo từ trong phạm vi số từ được xuất hiện trong chương trình. • Củng cố và mở rộng được vốn từ vựng và cách diễn đạt ngôn ngữ về các chủ điểm đã nêu trong phần nội dung. 	
--	--	---	--

Chuyên đề 3: Writing

Số tiết: 17

TT	Nội dung	Mức độ cần đạt	Ghi chú
	<ul style="list-style-type: none">• Personal letters: Postcards; Invitation letters; Letters of response to an invitation.• People's profile / background.• Writing an exposition. • Interpret /describe information from tables/ graphs/ charts	<ul style="list-style-type: none">• Viết được bưu thiếp (postcards), thư mời, thư đáp nhận hoặc từ chối lời mời ở cả hai hình thức trình trọng và thân mật theo gợi ý.• Biết điền vào phiếu tóm tắt lý lịch những nội dung theo yêu cầu.• Viết được một đoạn văn (120-150 từ) về lí lịch một cá nhân dựa trên thông tin cho sẵn.• Biết bố cục và viết được một đoạn văn (120-150 từ), dựa vào gợi ý cho sẵn để chứng minh, trình bày quan điểm, ý kiến cá nhân về một số chủ đề mở rộng ngoài các chủ đề đã được học trong chương trình nâng cao.• Viết được một đoạn văn (120-150 từ) trình bày, dịch giải thông tin từ bảng biểu, sơ đồ đơn giản về các nội dung quen thuộc dựa	

		vào gợi ý cho sẵn.	
--	--	--------------------	--

Chuyên đề 4: Grammar, Lexi, Phonology

Số tiết: 20

TT	Nội dung	Mức độ cần đạt	Ghi chỳ
1	GRAMMAR Tenses <ul style="list-style-type: none">• Present simple• Present progressive• (With a future meaning)• Present perfect• Present perfect vs. present simple• Past simple• Past progressive• Past perfect• Past perfect vs. past simple	<ul style="list-style-type: none">• Sử dụng thành thạo và phân biệt được sự khác biệt giữa các thời; đặc biệt là phân biệt được ý nghĩa và cách sử dụng các cặp thời dễ nhầm lẫn như thời hiện tại đơn giản và hiện tại tiếp diễn; thời hiện tại hoàn thành và thời hiện tại đơn giản; thời quá khứ đơn giản với thời quá khứ hoàn thành; thời tương lai đơn giản với cấu trúc <i>be going to</i> trong các tình huống và ngữ cảnh khác nhau.• Hiểu được ý nghĩa của các thời để hiểu được nghĩa văn bản qua nghe và đọc.• Sử dụng được các thời đúng ngữ cảnh trong	

	<ul style="list-style-type: none"> • Future simple • (Will used to make predictions/offers) • <i>Be going to</i> • Will vs. <i>going to</i> • Future progressive • Conditional sentence <i>type 1</i> • Conditional sentence <i>type 2</i> • Conditional sentences <i>type 1</i> vs. conditional sentence <i>type 2</i> • Conditional sentence <i>type 3</i> • Conditional sentence <i>type 1</i> vs. conditional sentence <i>type 3</i> • Mixed type • Relative clauses with <i>who</i>, 	<p>giao tiếp nói và viết.</p> <ul style="list-style-type: none"> • Hiểu được hình thái, ý nghĩa và cách dùng của các loại câu điều kiện loại 1,2,3. • Hiểu được ý nghĩa sử dụng của các loại câu điều kiện và sự kết hợp các loại câu điều kiện trong các văn bản đọc, trong nói và viết. • Hiểu vững và sử dụng được hình thái, ý nghĩa 	
--	---	---	--

<p>2</p>	<p><i>which, that</i></p> <ul style="list-style-type: none"> • Non-defining vs. defining relative clauses • The passive in different tenses • Comparisons between active and passive voice. <p>LEXI</p> <ul style="list-style-type: none"> • Parts of speech 	<p>và cách dùng thông dụng của các mệnh đề quan hệ có <i>who, which, that</i> trong các tình huống và ngữ cảnh gắn với các chủ điểm trong chương trình nâng cao.</p> <ul style="list-style-type: none"> • Phân biệt được sự khác biệt giữa các mệnh đề quan hệ xác định và không xác định. • Sử dụng được dạng bị động trong các thời khác nhau của động từ trong các tình huống và ngữ cảnh mở rộng, có độ phức tạp cao hơn các tình huống và ngữ cảnh trong chương trình nâng cao. • Phân biệt được sự khác biệt giữa các dạng chủ động và bị động. <ul style="list-style-type: none"> • Nắm vững và sử dụng được đúng ngữ pháp 	
----------	---	---	--

	<p>Nouns</p> <p>Verbs (verb form/ infinitives/ gerunds ...)</p> <p>Adjectives</p> <p>Adverbs (of frequency/ time/ manner ...)</p> <ul style="list-style-type: none"> • Affixes (pre-) and suffixes • Phrasal verbs • Word collocation <p>3 PHONOLOGY</p> <ul style="list-style-type: none"> • Pronunciation • Word stress • Intonation 	<p>các thành phần của câu như danh từ, động từ, tính từ, trạng từ, tiền tố, hậu tố...trong nghe, nói, đọc và viết; với phạm vi chủ điểm và kiến thức ngôn ngữ mở rộng không quá 20% so với chương trình nâng cao.</p> <ul style="list-style-type: none"> • Nhận biết, phát âm đúng và nói đúng trọng âm, ngữ điệu trong từ và câu tiếng Anh. 	
--	---	---	--

IV. Giải thích và hướng dẫn thực hiện

4.1 Kế hoạch dạy học

Tổng số tiết cho học tiếng Anh lớp 10 THPT chuyên là 210 tiết, trong đó 140 tiết học theo chương trình và sách giáo khoa nâng cao, 70 tiết dành cho học các chuyên đề chuyên sâu. Việc phân tiết học cho chương trình nâng cao theo quy định chung của Bộ DG&ĐT, các trường có thể phân tiết cho phần chuyên sâu dựa vào đối tượng học sinh, điều kiện về giáo viên và cơ sở vật chất của nhà trường.

4.2 Nội dung dạy học

Dựa trên khung hướng dẫn nội dung chuyên sâu, nội dung tài liệu dạy học cụ thể sẽ được lựa chọn (hoặc biên soạn) trên nguyên tắc đảm bảo phù hợp yêu cầu và trình độ cụ thể của học sinh tại địa phương, phát huy tối đa năng lực người học, đồng thời vẫn đảm bảo tính vừa sức, không áp đặt.

Với chủ trương phát huy toàn diện năng lực người học, cũng như với đặc thù của bộ môn ngoại ngữ, các nội dung nghe, nói và đọc không quy định chủ đề cụ thể, nhằm tạo độ mở cho việc lựa chọn tài liệu dạy các kỹ năng này theo tiêu chí lấy người học làm trung tâm. Tuy nhiên, các giáo viên địa phương cần quan tâm đến độ khó và phạm vi chủ đề sao cho độ phức tạp ngôn ngữ cũng như các chủ đề không quá xa với các nội dung phổ cập trong chương trình Tiếng Anh phổ thông.

Nội dung cho các phần kỹ năng viết và kiến thức ngôn ngữ được lựa chọn theo cách tập trung vào những phần chủ chốt của chương trình nâng cao cho lớp 10. Những nội dung này đồng thời cũng là những nội dung cơ bản, có hệ thống, rất cần cho học sinh theo học chuyên sâu môn ngoại ngữ tiếng Anh.

4.3 Về phương pháp và phương tiện dạy học

Phương pháp dạy học cho chương trình chuyên cũng đi theo quan điểm dạy học chung của bộ môn ngoại ngữ ở phổ thông. Đó là phương pháp giao tiếp, lấy người học làm trung tâm.

Với đối tượng học sinh chuyên ngữ, giáo viên càng cần phải ứng dụng các phương pháp, thủ thuật dạy học phát huy được tính chủ động, độc lập, sáng tạo của học sinh. Chú trọng các phương pháp và hình thức học tập tích cực, tạo hứng thú, quan tâm đến các năng lực khác nhau của học sinh để có thể phát huy tối đa khả năng học tập của các em.

Về các phương tiện dạy học, ngoài các phương tiện tối thiểu có sẵn cho môn ngoại ngữ, giáo viên cần luôn tìm tòi, khai thác các đồ dùng trực quan để tích cực hoá các hoạt động học tập trên lớp.

4.4 Về đồng hồ kết quả học tập của học sinh

Thực hiện theo các văn bản hướng dẫn của Bộ GD-ĐT về kiểm tra đánh giá các môn học THPT.

Việc kiểm tra, đánh giá phải tuân thủ mục tiêu dạy học. Các bài kiểm tra phải nhằm kiểm tra 4 kỹ năng nghe, nói, đọc, viết trong khuôn khổ các kiến thức ngôn ngữ qui định trong nội dung chương trình môn học.

Đa dạng các hình thức kiểm tra, dành tỷ lệ thích hợp cho dạng kiểm tra tự luận và cho loại hình trắc nghiệm khách quan, nhưng cần sử dụng phù hợp với mục đích kiểm tra.

Sách giáo khoa và tài liệu tham khảo

Sách giáo khoa:

Sách giáo khoa chính thức: Tiếng Anh 10, Sách dùng cho Ban KHXH và Nhân văn, Nhà XBGD

Sách giáo khoa tham khảo: Tiếng Anh 10, Sách dùng cho Ban KHTN và Cơ bản, Nhà XBGD

Các sách bài tập, sách chuyên khảo liên quan đến SGK Tiếng Anh lớp 10, Nhà XBGD

Tài liệu tham khảo

- Dạy ngữ pháp và từ vựng:

Understanding and Using English Grammar by Betty Schramper Azar

Intermediate Language Practice by Michael Vince

Advanced Language Practice by Michael Vince

TOEFL Grammar Workbook by Phyllis L. Lim and Mary Kurtin

Vocabulary in use Intermediate & Vocabulary in use Upper Intermediate by Redman

First Certificate Language Practice by Michael Vince

- Dạy nghe & nói:

Listen Carefully by Jack Richards

Listening and Speaking by Malcolm Mann & Steve Taylore-Knowles

Tactics for Listening by Jack Richards

- Dạy đọc và từ vựng:

Section 3 Reading Comprehension of TOEFL CBT Success by Bruce Rogers

Causes and Effect by Patricia Ackert

Successful Reading by Colin Swatridge

- Dạy viết:

Paragraph Writing by Dorothy E Zemach & Carlos Islam

College Writing by Dorothy E Zemach & Lisa A Rumisek

- Tài liệu dụng cho kiểm tra:

Test your Reading & Test Your Listening & Test your Phrasal Verbs by Tricia Aspinall

Test Your English Vocabulary In Use by Stuart Redman & Ruth Gairns

Cambridge First Certificate Examination Practice 1-5 do Nguyễn Phương Sứ giới thiệu và chú giải

- Tài liệu tra cứu khác:

A Practical English Grammar by A.J Thomson and A.V. Martinet

Practical English Usage by Michael Swan

Oxford Guide to English Grammar by John Eastwood

Right Word Wrong Word by L.G. Alexander

LỚP 11

I. Mục đích

- Thống nhất trên phạm vi toàn quốc kế hoạch dạy học và nội dung dạy học môn Tiếng Anh cho trường THPT chuyên.
- Thống nhất trên phạm vi toàn quốc nội dung bồi dưỡng học sinh giỏi cấp THPT.

II. Kế hoạch dạy học

Tổng số tiết: 150% số tiết của chương trình nâng cao, trong đó 50% là dành cho nội dung chuyên sâu.

Học kì I: 110 tiết

Học kì II: 100 tiết

III. Nội dung dạy học

3.3 Cấu trúc nội dung dạy học

- Nội dung nâng cao: được qui định trong chương trình nâng cao môn Tiếng Anh, lớp 11, ban hành kèm theo Quyết định số 16/2006/QĐ-BGDĐT ngày 05 tháng 5 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Nội dung chuyên sâu: gồm những chuyên đề sau

- + Listening & speaking
- + Reading
- + Writing
- + Grammar, Lexi, Phonology

3.2 Nội dung chuyên sâu

Chuyên đề 1: Listening & speaking

Số tiết: 17 tiết

TT	Nội dung	Mức độ cần đạt	Ghi chú
	<ul style="list-style-type: none"> • Friends and friendship • Parties and celebrations • Volunteer work in Vietnam and in the world • Population of Vietnam • Nature and sources of energy • Competitions and games at school • Hobbies and entertainments of students • Wonders of the world and well-known places in Vietnam and in the world 	<ul style="list-style-type: none"> • Nghe hiểu được nội dung khái quát hoặc nội dung cụ thể các đoạn độc thoại hoặc hội thoại có độ dài khoảng 160-220 từ trong phạm vi vốn từ và ngữ pháp đã học, có mở rộng không quá 20%, trong các ngữ cảnh đa dạng, khác với các ngữ cảnh trong chương trình nâng cao. • Có khả năng giao tiếp nhằm thực hiện các chức năng ngôn ngữ cơ bản, diễn ra dưới dạng đối thoại hoặc độc thoại: khả năng hỏi - đáp, trao đổi, thảo luận, khả năng kết lại, trình bày, liên hệ thực tế về các nội dung liên quan đến các chủ điểm trong chương trình. 	<ul style="list-style-type: none"> • Hiểu được các văn bản ở tốc độ gần tự nhiên. • Nhận biết được quan điểm và thái độ của người nói. • Cho phép có ngắt ngữ và có lỗi về ngôn ngữ và tu từ.

Chuyên đề 2: Reading

Số tiết: 17 tiết

TT	Nội dung	Mức độ cần đạt	Ghi chú
	<ul style="list-style-type: none">• Friendship and personal experiences• Parties and celebrations• Volunteer work• Population and illiteracy• Nature and sources of energy• Competitions and games• Hobbies and entertainments• Wonders of the world and well-known places	<ul style="list-style-type: none">• Đọc hiểu nội dung khái quát hoặc nội dung chi tiết các đoạn văn với các hình thức văn bản đa dạng, có độ dài khoảng 250-320 từ với số từ vựng, ngữ pháp mới và độ phức tạp về nội dung và ngôn ngữ không quá 20% khó hơn so với chương trình nâng cao, trong tình huống và ngữ cảnh mở rộng về các chủ điểm có trong chương trình.	<ul style="list-style-type: none">• Phát triển kỹ năng từ vựng: sử dụng từ điển, ngữ cảnh, từ đồng nghĩa / trái nghĩa.• Nhận biết được các thành tố ngữ pháp, liên kết văn bản.• Hiểu được bố cục văn bản và các mối liên kết quy chiếu trong văn bản (referential

			cohesion).
--	--	--	------------

Chuyên đề 3: Writing

Số tiết: 17 tiết

TT	Nội dung	Mức độ cần đạt	Ghi chú
	<ul style="list-style-type: none"> • Letter of invitation to a party • Friends / friendship • Celebrations / holiday activities • Hobbies or collections • Well-known places in Vietnam • Biography writing 	<ul style="list-style-type: none"> • Có khả năng viết theo gợi ý đoạn văn với độ dài khoảng 130-170 từ với số từ vựng, ngữ pháp mới và độ phức tạp về nội dung và ngôn ngữ không quá 20% khó hơn so với chương trình nâng cao, trong tình huống và ngữ cảnh mở rộng về các chủ điểm có trong chương trình. 	<ul style="list-style-type: none"> • Cấu trúc câu đơn giản, đúng văn phạm và gắn với các kiến thức ngôn ngữ, cách diễn đạt đang học. • Cho phép có những hạn chế về nội dung, tu từ và các thành tố liên kết câu.

Chuyên đề 4: Grammar, Lexi, Phonology

Số tiết: 19 tiết

TT	Nội dung	Mức độ cần đạt	Ghi chú
1	Grammar <ul style="list-style-type: none">• Infinitives with or without <i>to</i>• Infinitives following adjectives/ adverbs/ nouns• Gerunds• Gerunds following prepositions; verbs followed by gerunds/ infinitives	<ul style="list-style-type: none">• Hiểu được hình thái , chức năng và sử dụng đúng động từ nguyên thể (có hoặc không có “<i>to</i>”) gắn với các chủ điểm trong chương trình• Hiểu và sử dụng được động từ nguyên thể theo sau các tính từ / trạng từ / danh từ• Hiểu được các hình thái, chức năng và sử dụng đúng danh động từ gắn với các chủ điểm trong chương trình• Danh động từ theo sau giới từ; các động từ đứng trước danh động từ / động từ nguyên thể	<ul style="list-style-type: none">• Phân biệt được sự khác nhau của tính từ, trạng từ và danh từ khi đi với động từ nguyên thể• Phân biệt được sự giống và khác nhau giữa động từ nguyên thể và danh động từ

<ul style="list-style-type: none"> • Participle • Perfect gerund and perfect participle <ul style="list-style-type: none"> • Reported speech: Statements <ul style="list-style-type: none"> • Reported speech: Questions (<i>Yes / No</i> and <i>Wh-</i> questions) <ul style="list-style-type: none"> • Reported speech: comparisons between direct speech and indirect speech 	<ul style="list-style-type: none"> • Hiểu được các hình thái, chức năng và sử dụng đúng động tính từ gắn với các chủ điểm trong chương trình • Phân biệt và sử dụng được danh động từ hoàn thành và phân từ hoàn thành <ul style="list-style-type: none"> • Hiểu được hình thái, chức năng và sử dụng đúng câu gián tiếp dạng khẳng định gắn với các chủ điểm trong chương trình <ul style="list-style-type: none"> • Hiểu được các hình thái, chức năng và sử dụng đúng câu gián tiếp dạng câu hỏi gắn với các chủ điểm trong chương trình <ul style="list-style-type: none"> • Hiểu và sử dụng đúng lời nói trực tiếp và gián tiếp 	<ul style="list-style-type: none"> • Phân biệt được sự giống và khác nhau giữa động từ nguyên thể, danh động từ và động tính từ <ul style="list-style-type: none"> • Phân biệt được lời nói gián tiếp với câu hỏi chung và câu hỏi đặc biệt <ul style="list-style-type: none"> • Phân biệt được lời nói trực tiếp và gián tiếp dạng khẳng định và câu hỏi
---	--	--

<ul style="list-style-type: none"> • Relative clauses with <i>who, which, that</i> • Defining relative clauses vs. non-defining relative clauses; • Omission of relative pronouns • Relative clauses replaced by participles and <i>to</i>-infinitives 	<ul style="list-style-type: none"> • Hiểu hình thái, cấu tạo và sử dụng đúng các mệnh đề quan hệ có <i>who, which, that</i> gắn với các chủ điểm trong chương trình • Phân biệt và sử dụng đúng các loại mệnh đề quan hệ xác định và không xác định gắn với các chủ điểm trong chương trình • Hiểu và sử dụng đúng mệnh đề quan hệ lược bỏ đại từ quan hệ gắn với các chủ điểm trong chương trình • Hiểu và sử dụng được các mệnh đề quan hệ được thay thế bằng phân từ hoặc động từ nguyên thể có “<i>to</i>”. 	<ul style="list-style-type: none"> • Phân biệt được sự khác nhau giữa <i>who, that</i> và <i>which</i> • Phân biệt được phân từ và động từ nguyên thể có <i>to</i>
--	---	--

<p>2</p>	<p>Lexi</p> <ul style="list-style-type: none"> • Parts of speech (verbs, nouns, adjectives, adverbs, ...) • Phrasal verbs • Word collocation • Types of sentences 	<ul style="list-style-type: none"> • Nắm vững và sử dụng được đúng ngữ pháp các thành phần của câu như danh từ, động từ, tính từ, ... trong nói và viết với phạm vi chủ điểm và kiến thức ngôn ngữ mở rộng không quá 20% so với chương trình nâng cao. 	
<p>3</p>	<p>Phonology</p> <ul style="list-style-type: none"> • Pronunciation • Word stress • Intonation 	<ul style="list-style-type: none"> • Nhận biết và phát âm đúng, nói đúng trọng âm, ngữ điệu và nhịp điệu câu. 	

IV. Giải thích và hướng dẫn thực hiện

4.1 Kế hoạch dạy học

Tổng số tiết cho học Tiếng Anh lớp 11 THPT chuyên là 210 tiết, trong đó 140 tiết học theo chương trình và sách giáo khoa nâng cao, 70 tiết dành cho học các chuyên đề chuyên sâu. Việc phân tiết học cho chương trình nâng cao theo quy định chung của Bộ DG&ĐT, các trường có thể phân tiết cho phần chuyên sâu dựa vào đối tượng học sinh, điều kiện về giáo viên và cơ sở vật chất của nhà trường.

4.2 Nội dung giảng dạy

Dựa trên khung hướng dẫn nội dung chuyên sâu, giáo viên của mỗi trường chuyên có thể lựa chọn và biên soạn nội dung dạy học phù hợp với năng lực của giáo viên và học sinh, với điều kiện và khả năng của địa phương và của trường. Việc lựa chọn và biên soạn các chuyên đề chuyên sâu cần đảm bảo các nguyên tắc cơ bản sau:

- Bám sát mức độ và yêu cầu của chương trình được nêu trong phần mục tiêu dạy học lớp 11, với độ khó không quá 20% so với chương trình nâng cao.
- Các nội dung *nghe, nói, đọc, viết* và *kiến thức ngôn ngữ* cần bám sát các chủ đề của chương trình nâng cao, với mục tiêu củng cố, mở rộng, nâng cao và phát triển các kiến thức ngôn ngữ và kỹ năng giao tiếp đã được học trong chương trình nâng cao. Tuy nhiên, giáo viên có thể mở rộng các chủ đề cho phù hợp với năng lực của học sinh với điều kiện các chủ đề đó không khó hơn 20% so với chương trình nâng cao lớp 11 THPT.
- Đảm bảo sự hài hoà và cân đối trong nội dung dạy học và phân bổ thời gian giữa các chuyên đề (nghe-nói, đọc và viết), giữa luyện tập các kỹ năng với nâng cao kiến thức ngôn ngữ.

4.3 Về phương pháp và phương tiện dạy học

Phương pháp dạy học cho chương trình chuyên cũng tuân thủ quan điểm chung của môn ngoại ngữ ở trường phổ thông đó là quan điểm giao tiếp và quan điểm coi học sinh là chủ thể của hoạt động dạy và học.

Quan điểm giao tiếp nhấn mạnh việc hình thành và phát triển các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết là mục tiêu cuối cùng và đồng thời là phương thức cơ bản của hoạt động dạy học. Các kiến thức ngôn ngữ như ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp là phương tiện, điều kiện hình thành các kỹ năng.

Học sinh là chủ thể của hoạt động học tập nghĩa là các em được tham gia học tập và hoạt động giao tiếp tích cực, chủ động, sáng tạo và với tinh thần hợp tác cao. Học sinh cần luyện tập thực hành giao tiếp một cách có ý thức trong hoạt động học tập trên lớp và tự học.

Giáo viên tổ chức và hướng dẫn học sinh tham gia tích cực vào quá trình học tập thông qua các hoạt động cá nhân, theo cặp và nhóm. Giáo viên cần kết hợp hài hòa các phương pháp và kỹ thuật dạy học, sử dụng hiệu quả các thiết bị, đồ dùng dạy học và các tài liệu hỗ trợ nhằm tạo hứng thú học tập cho học sinh. Giáo viên cần sử dụng tiếng mẹ đẻ một cách hợp lý và có hiệu quả trong quá trình dạy học.

4.4 Về đánh giá kết quả học tập của học sinh

Việc kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh cần được thực hiện theo các văn bản hướng dẫn chung của Bộ GD-ĐT. Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập cần tuân thủ mục tiêu và nội dung dạy học của chương trình nâng cao và chuyên sâu lớp 11. Đó là kiểm tra, đánh giá bốn kỹ năng giao tiếp trong khuôn khổ các kiến thức ngôn ngữ được qui định trong chuẩn kiến thức, kỹ năng của chương trình và sách giáo khoa nâng cao và các nội dung chuyên sâu.

Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh cần được thực hiện qua hai phương thức kiểm tra: thường xuyên và định kì. Các hình thức kiểm tra cần đa dạng, bao gồm kiểm tra miệng, kiểm tra 15 phút, kiểm tra một tiết, kiểm tra học kì và kiểm tra hết năm. Nội dung kiểm tra cần được thực hiện cân đối giữa trắc nghiệm khách quan (khoảng 70-75%) và tự luận (khoảng 25-30%).

Đánh giá kết quả học tập của học sinh phải được thực hiện thông qua cả bốn kỹ năng (nghe, nói, đọc, viết) và kiến thức ngôn ngữ (ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp) theo tỉ lệ: nghe 20%, nói 20%, đọc 20%, viết 20% và kiến thức ngôn ngữ 20%.

Sách giáo khoa và tài liệu tham khảo

Sách giáo khoa

Sách giáo khoa chính thức: Tiếng Anh 11, Sách dùng cho Ban KHXH và Nhân văn, Nhà XBGD

Sách giáo khoa tham khảo: Tiếng Anh 11, Sách dùng cho Ban KHTN và Cơ bản, Nhà XBGD

Các sách bài tập, sách chuyên khảo liên quan đến SGK Tiếng Anh lớp 11, Nhà XBGD

Tài liệu tham khảo

- Dạy ngữ pháp và từ vựng:

Understanding and Using English Grammar by Betty Schramper Azar

Intermediate Language Practice by Michael Vince

Advanced Language Practice by Michael Vince

TOEFL Grammar Workbook by Phyllis L. Lim and Mary Kurtin

Vocabulary in use Intermediate & Vocabulary in use Upper Intermediate by Redman

First Certificate Language Practice by Michael Vince

- Dạy nghe & nói:

Listen Carefully by Jack Richards

Listening and Speaking by Malcolm Mann & Steve Taylore-Knowles

Tactics for Listening by Jack Richards

- Dạy đọc và từ vựng:

Section 3 Reading Comprehension of TOEFL CBT Success by Bruce Rogers

Causes and Effect by Patricia Ackert

Successful Reading by Colin Swatridge

- Dạy viết:

Paragraph Writing by Dorothy E Zemach & Carlos Islam

College Writing by Dorothy E Zemach & Lisa A Rumisek

- Tài liệu dựng cho kiểm tra:

Test your Reading & Test Your Listening & Test your Phrasal Verbs by Tricia Aspinall

Test Your English Vocabulary In Use by Stuart Redman & Ruth Gairns

Cambridge First Certificate Examination Practice 1-5 do Nguyễn Phương Sứu giới thiệu và chỳ giải

- Tài liệu tra cứu khỏc:

A Practical English Grammar by A.J Thomson and A.V. Martinet

Practical English Usage by Michael Swan

Oxford Guide to English Grammar by John Eastwood

Right Word Wrong Word by L.G. Alexander

LỚP 12

I. MỤC ĐÍCH

Hướng dẫn nội dung dạy học môn tiếng Anh lớp 12 trường THPT chuyên được biên soạn nhằm:

- Thống nhất trên phạm vi toàn quốc kế hoạch dạy học và nội dung dạy học cho trường THPT chuyên
- Thống nhất trên phạm vi toàn quốc nội dung bồi dưỡng học sinh giỏi cấp THPT

Nội dung dạy học môn tiếng Anh lớp 12 trường THPT chuyên được biên soạn trên cơ sở nâng cao và chuyên sâu hơn chương trình nâng cao tiếng Anh lớp 12 THPT nhằm giúp học sinh củng cố, nâng cao và phát triển các kiến thức ngôn ngữ và kỹ năng giao tiếp đã được học trong chương trình nâng cao lớp 12 THPT.

Sau khi hoàn thành chương trình lớp 12 trường THPT chuyên, học sinh có khả năng:

Về kỹ năng:

- Mở rộng và nâng cao tiếng Anh như một công cụ giao tiếp ở mức độ cơ bản dưới các dạng nghe, nói, đọc, viết mà các em đã học trong chương trình tiếng Anh nâng cao.
- Rèn luyện và hình thành các kỹ năng học tập môn học, đặc biệt là các kỹ năng giao tiếp bằng tiếng Anh, qua đó bồi dưỡng học sinh giỏi tạo nguồn đào tạo cho các bậc học cao hơn.

Về kiến thức:

- Khắc sâu và mở rộng thêm các kiến thức cơ bản một cách tương đối hệ thống về tiếng Anh trong chương trình nâng cao, phù hợp với trình độ, đặc điểm tâm lý lứa tuổi và điều kiện học tập.
- Rèn luyện và phát triển các phương pháp học tập, phương pháp làm việc với SGK và các tài liệu tham khảo, qua đó hình thành năng lực tự học, phát triển tư duy có phê phán, óc sáng tạo, tính độc lập của học sinh.

Về thái độ:

- Có hiểu biết thêm về đất nước, con người và nền văn hoá của một số nước nói tiếng Anh so với chương trình nâng cao, từ đó có tình cảm và thái độ tốt đẹp đối với đất nước, con người, nền văn hoá và ngôn ngữ của các nước nói tiếng Anh; biết tự hào, yêu quý và tôn trọng nền văn hoá và ngôn ngữ của dân tộc mình.
- Bồi dưỡng những phẩm chất của con người mới, chủ động và sáng tạo trong giao tiếp, có trách nhiệm với cộng đồng, yêu lao động, ham thích và sẵn sàng đi vào khoa học.

II. KẾ HOẠCH DẠY HỌC

Theo qui định chung, chương trình chuyên có 150 % số tiết so với chương trình nâng cao (trong đó 50% số tiết dành cho nội dung chuyên sâu). Như vậy, kế hoạch dạy học môn tiếng Anh lớp 12 THPT chuyên có tổng số 210 tiết (với 140 tiết dành cho chương trình nâng cao và 70 tiết dành cho nội dung chuyên sâu). Kế hoạch đó được phân bổ như sau:

- Học kì I: 110 tiết
- Học kì II: 100 tiết

III. NỘI DUNG GIẢNG DẠY

1. Cấu trúc nội dung giảng dạy

Nội dung dạy học môn tiếng Anh lớp 12 THPT chuyên được thực hiện theo Chương trình và SGK nâng cao cộng với các nội dung chuyên sâu. Cụ thể là:

- Nội dung nâng cao: Được thể hiện trong Chương trình nâng cao tiếng Anh lớp 12 THPT.
- Nội dung chuyên sâu: Được lựa chọn theo các kỹ năng giao tiếp và kiến thức ngôn ngữ, bao gồm các chuyên đề về kỹ năng ngôn ngữ: Listening & speaking + Reading + Writing và kiến thức ngôn ngữ: Phonology + Grammar + Lexi.

Các nội dung chuyên sâu được lựa chọn theo các nội dung chủ điểm và chủ đề của Chương trình nâng cao tiếng Anh THPT lớp 12.

2. Nội dung nâng cao

Là Chương trình tiếng Anh **lớp 12** nâng cao. Cụ thể là:

Themes / Topics	Competences	Language focus *
1. You and me Home life Cultural diversity/ Inter-cultural communication	<ul style="list-style-type: none"> Talking about home life, life styles, daily routine Talking about cultural diversity Giving compliments Writing different points of view 	Pronunciation: Stress, rhythm and intonation Grammar: - Review: Tenses Present simple vs. present progressive Reported speech The passive Conditional sentences Relative clauses Adverbial clauses of concession with <i>(al)though / even though</i> ,
2. Education School education system Higher education Future jobs	<ul style="list-style-type: none"> Talking about the school education system in Vietnam Talking about students' part-time jobs and job application after school Writing a letter of application / request Talking about subjects and application process to tertiary studies Talking about Vietnamese studies for international students 	

<p>3. Community Economic reforms Youth Future life</p>	<ul style="list-style-type: none"> • Talking about the economic reform in Vietnam • Talking about changes the new policy has brought about • Talking about the roles of youth in society • Talking about life in the future • Writing a report based on given information 	<p><i>in spite of / despite</i> Adverbial clauses of time Sentence and clause connectors: <i>so, but, however, therefore</i> Modal verbs: <i>may, might, must, mustn't, needn't</i> Prepositions and articles</p>
<p>4. Nature Deserts Endangered species</p>	<ul style="list-style-type: none"> • Talking about deserts and desert life • Talking about problems related to deserts and desert life • Talking about how to fight desert expansion • Talking about endangered animals and the protection of endangered species 	<p>- New: Transitive and intransitive verbs Compound adjectives: Adjective + nouns</p>
<p>5. Recreation Books Water sports SEA Games</p>	<ul style="list-style-type: none"> • Talking about reading habits • Describing characters and events in books • Talking about different types of water sports • Talking about sports events and sports results • Giving instructions • Evoking and expressing opinions 	<p>Phrasal verbs: <i>Prepositions after verbs</i> Modals in the passive <i>Adverbial clauses of place, purpose, reason, manner, ...</i> <i>Unless vs. if-clause</i></p>

<p>6. People and places International organizations Women in society Associations of South East Asian Nations (ASEAN)</p>	<ul style="list-style-type: none"> • Talking about international organizations and their activities / characteristics • Talking about the roles of women in society (in different periods of time) • Talking about main features of ASEAN member countries • Distinguishing facts from opinions • Writing a letter of recommendation • Interpreting information from a chart 	<p>Comparison: comparative + <i>and</i> + comparative; <i>The</i> + comparative + <i>the</i> + comparative</p>
--	--	--

Yêu cầu cần đạt sau khi học xong lớp 12 là HS có khả năng sử dụng những kiến thức tiếng Anh đã học trong phạm vi chương trình để:

- Nghe:**
- Nghe hiểu được nội dung chính và nội dung chi tiết các đoạn độc thoại / hội thoại gần với nguyên bản của ngữ liệu có độ dài khoảng 180-240 từ trong phạm vi các nội dung chủ điểm đã học trong chương trình.
 - Hiểu được các văn bản ở tốc độ tương đối gần tự nhiên.
 - Nghe và ghi chép thông tin chính.
 - Nhận biết được quan điểm và thái độ của người nói.
- Nói:**
- Hỏi - đáp, trình bày về các nội dung liên quan đến các chủ điểm có trong chương trình.
 - Thực hiện một số hoạt động giao tiếp cơ bản: nói về hệ thống giáo dục, nói về sự đa dạng văn hóa, thực hiện các chức năng giao tiếp cơ bản với vốn từ mở rộng: bày tỏ quan điểm khác nhau, ý kiến về nghề nghiệp; bày tỏ sự khen ngợi; cho lời khuyên, bình luận, nói về các khả năng có thể xảy ra, cho nhận xét,, nói về nhu cầu và sở thích, giải thích lí do,

- Đọc:**
- Đọc hiểu được nội dung chính và nội dung chi tiết các văn bản gần với nguyên bản của ngữ liệu với độ dài khoảng 280-340 từ xoay quanh các chủ điểm có trong chương trình.
 - Phân biệt được các ý chính và các ý hỗ trợ.
 - Sử dụng được các ý chính để tóm tắt văn bản.
 - Hiểu và đánh giá được quan điểm và thái độ của tác giả.
 - Đọc có phê phán, nhận xét và đánh giá.
- Viết:**
- Viết có gợi ý (không theo mẫu) đoạn văn có độ dài khoảng 140-180 từ về nội dung liên quan đến các chủ điểm đã học hoặc để phục vụ các nhu cầu giao tiếp cá nhân và xã giao đơn giản.
 - Viết cảm nghĩ, nêu ý kiến riêng của mình

3. Nội dung chuyên sâu

Gồm 4 chuyên đề. Cụ thể là:

Chuyên đề 1: Listening & speaking (Tổng số: 19 tiết)

ST T	Nội dung	Mức độ cần đạt	Ghi chú
	<ul style="list-style-type: none"> • Home life and Cultural diversity • School education system and Higher education • Future jobs and Future life • Youth and Economic reforms 	<ul style="list-style-type: none"> • Nghe hiểu được nội dung khái quát hoặc nội dung cụ thể các đoạn đọc thoại hoặc hội thoại có độ dài khoảng 180-240 từ trong phạm vi vốn từ và ngữ pháp đã học, có mở rộng không quá 20%, trong các ngữ cảnh đa dạng, khác với các ngữ cảnh trong chương trình nâng cao. • Có khả năng giao tiếp nhằm thực hiện các 	<ul style="list-style-type: none"> • Hiểu được các văn bản ở tốc độ gần tự nhiên. • Nhận biết được quan điểm và thái độ của người nói. • Cho phép có ngắt

	<ul style="list-style-type: none"> • Endangered species • Sports and Games • ASEAN and International organizations • Women in society 	<p>chức năng ngôn ngữ cơ bản, diễn ra dưới dạng đối thoại hoặc độc thoại: khả năng hỏi - đáp, trao đổi, thảo luận, khả năng kể lại, trình bày, liên hệ thực tế về các nội dung liên quan đến các chủ điểm trong chương trình.</p>	<p>ngữ và có lỗi về ngôn ngữ và tu từ.</p>
--	---	---	--

Chuyên đề 2: Reading (Tổng số: 19 tiết)

STT	Nội dung	Mức độ cần đạt	Ghi chú
	<ul style="list-style-type: none"> • Cultural diversity • School/ Higher education • Future jobs and Future life • Books and Youth • Economic reforms • Endangered species • Sports and Games • Women in society • ASEAN and International organizations 	<ul style="list-style-type: none"> • Đọc hiểu nội dung khái quát hoặc nội dung chi tiết các đoạn văn với các hình thức văn bản đa dạng, có độ dài khoảng 280-340 từ với số từ vựng, ngữ pháp mới và độ phức tạp về nội dung và ngôn ngữ không quá 20% khó hơn so với chương trình nâng cao, trong tình huống và ngữ cảnh mở rộng về các chủ điểm có trong chương trình. 	<ul style="list-style-type: none"> • Phát triển kỹ năng từ vựng: sử dụng từ điển, ngữ cảnh, từ đồng nghĩa / trái nghĩa. • Nhận biết được các thành tố ngữ pháp, liên kết văn bản. • Hiểu được bố cục văn bản và các mối liên kết quy chiếu trong văn bản (referential cohesion).

Chuyên đề 3: Writing (Tổng số: 17 tiết)

STT	Nội dung	Mức độ cần đạt	Ghi chú
	<ul style="list-style-type: none"> • A letter of home rules/application • A typical product of a culture • Vietnamese students' educational path • Life in the future • Measures to save endangered species • Characters of a book • Writing an agenda/ an article/a report on a plan/a request for recommendation • Describing charts 	<ul style="list-style-type: none"> • Có khả năng viết theo gợi ý đoạn văn với độ dài khoảng 140-180 từ với số từ vựng, ngữ pháp mới và độ phức tạp về nội dung và ngôn ngữ không quá 20% khó hơn so với chương trình nâng cao, trong tình huống và ngữ cảnh mở rộng về các chủ điểm có trong chương trình. 	<ul style="list-style-type: none"> • Cấu trúc câu đơn giản, câu phức hợp đúng văn phạm và gắn với các kiến thức ngôn ngữ, cách diễn đạt đang học. • Cho phép có những hạn chế về nội dung, tu từ và các thành tố liên kết câu.

Chuyên đề 4: Phonology + Grammar + Lexi (Tổng số: 15 tiết)

STT	Nội dung	Mức độ cần đạt	Ghi chú
Grammar	<ul style="list-style-type: none"> • Present simple • Present simple and present progressive 	<ul style="list-style-type: none"> • Hiểu và sử dụng được thì hiện tại đơn giản (chỉ hoạt động hàng ngày) • Hiểu và sử dụng được thì hiện tại đơn giản và thì hiện tại tiếp diễn 	<ul style="list-style-type: none"> • Phân biệt được sự khác nhau về cách dùng giữa 2 thì hiện tại đơn giản và hiện tại tiếp diễn

<ul style="list-style-type: none"> • Past simple and past progressive 	<ul style="list-style-type: none"> • Hiểu được các hình thái, chức năng và sử dụng thì quá khứ đơn giản và thì quá khứ tiếp diễn gắn với các chủ điểm trong chương trình 	<ul style="list-style-type: none"> • Phân biệt được sự khác nhau về cách dùng của thì quá khứ đơn giản và thì quá khứ tiếp diễn (trong câu phức hợp)
<ul style="list-style-type: none"> • Present perfect and present perfect progressive 	<ul style="list-style-type: none"> • Hiểu và sử dụng được thì hiện tại hoàn thành và thì hiện tại hoàn thành tiếp diễn gắn với các chủ điểm trong chương trình 	<ul style="list-style-type: none"> • Phân biệt được sự khác nhau về cách dùng của thì hiện tại hoàn thành và hiện tại hoàn thành tiếp diễn
<ul style="list-style-type: none"> • Reported speech: Statements and questions (Yes / No and Wh-questions) 	<ul style="list-style-type: none"> • Hiểu được hình thái, chức năng và sử dụng đúng câu gián tiếp dạng khẳng định và dạng câu hỏi gắn với các chủ điểm trong chương trình 	<ul style="list-style-type: none"> • Phân biệt được lời nói gián tiếp với câu hỏi chung và câu hỏi đặc biệt
<ul style="list-style-type: none"> • Passive voice 	<ul style="list-style-type: none"> • Hiểu được hình thái, chức năng và sử dụng đúng dạng câu bị động gắn với các chủ điểm trong chương trình 	<ul style="list-style-type: none"> • Phân biệt được cách dùng các loại câu bị động
<ul style="list-style-type: none"> • Conditional sentences and <i>Unless</i> in Conditional sentences 	<ul style="list-style-type: none"> • Hiểu được các hình thái, chức năng và sử dụng đúng câu điều kiện gắn với các chủ điểm trong chương trình 	<ul style="list-style-type: none"> • Phân biệt được cách dùng các loại câu điều kiện
<ul style="list-style-type: none"> • Relative clauses (restrictive and non-restrictive clauses) 	<ul style="list-style-type: none"> • Hiểu được các hình thái, chức năng và sử dụng đúng các loại mệnh đề quan hệ xác định và không xác định gắn với các chủ điểm trong chương trình 	<ul style="list-style-type: none"> • Phân biệt được cách dùng các loại mệnh đề quan hệ xác định và không xác định

- Adverbial phrases/ clauses (of reason, time, purpose, manner with *as* and *as if*)

- Comparative + *and* + comparative

- *The* + comparative... + *the* + comparative

- Hiểu hình thái, cấu tạo và sử dụng đúng các loại cụm phó từ/ mệnh đề phụ trạng ngữ gắn với các chủ điểm trong chương trình

- Hiểu và sử dụng được cấu trúc so sánh hơn của tính từ (để nhấn mạnh) gắn với các chủ điểm trong chương trình

- Hiểu và sử dụng được cấu trúc so sánh hơn của tính từ/trạng từ gắn với các chủ điểm trong chương trình

- Phân biệt được sự khác nhau giữa các cụm phó từ và các mệnh đề phụ trạng ngữ (chỉ nguyên nhân, thời gian, mục đích, trạng thái...)

- Phân biệt được cách dùng của cấu trúc dùng của cấu trúc với cách thường dùng trong so sánh hơn của tính từ

- Phân biệt cách so sánh hơn của tính từ /trạng từ (của 2 hành động diễn ra cùng một lúc)

Lexi	<ul style="list-style-type: none"> • Compound adjectives: Adjective + Noun, Noun + Adjective, Adjective+ Noun+ -<i>ed</i> • Phrasal verbs • Idiomatic expressions/ collocations • <i>Play, Do, Go; Bring vs. Take; Make</i> • Transitive and intransitive verbs • Modal auxiliaries 	<ul style="list-style-type: none"> • Nắm vững và sử dụng được đúng ngữ pháp các từ loại như tính từ ghép, cụm động từ, một số động từ có cách dùng đặc biệt, ngoại/nội động từ, động từ tình thái ... trong nói và viết với phạm vi chủ điểm và kiến thức ngôn ngữ mở rộng không quá 20% so với chương trình nâng cao. 	
Phonology	<ul style="list-style-type: none"> • Pronunciation • Word stress • Intonation 	<ul style="list-style-type: none"> • Nhận biết và phát âm đúng, nói đúng trọng âm, ngữ điệu và nhịp điệu câu. 	

IV. GIẢI THÍCH VÀ HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

1. Kế hoạch dạy học

Tổng số tiết cho học tiếng Anh lớp 12 THPT chuyên là 210 tiết, trong đó 140 tiết học theo chương trình và SGK nâng cao, 70 tiết dành cho học các chuyên đề chuyên sâu. Việc phân tiết học cho chương trình nâng cao theo quy định chung của Bộ GD&ĐT, các trường có thể phân tiết cho phần chuyên sâu dựa vào đối tượng học sinh, điều kiện về giáo viên và cơ sở vật chất của nhà trường.

2. Nội dung giảng dạy

Dựa trên khung hướng dẫn nội dung chuyên sâu, giáo viên của mỗi trường chuyên có thể lựa chọn và biên soạn nội dung dạy học phù hợp với năng lực của giáo viên và học sinh, với điều kiện và khả năng của địa phương và của trường. Việc lựa chọn và biên soạn các chuyên đề chuyên sâu cần đảm bảo các nguyên tắc cơ bản sau:

- Bám sát mức độ và yêu cầu của chương trình được nêu trong phần mục tiêu dạy học lớp 12, với độ khó không quá 20% so với chương trình nâng cao.
- Các nội dung nghe, nói, đọc, viết và kiến thức ngôn ngữ cần bám sát các chủ đề của chương trình nâng cao, với mục tiêu củng cố, mở rộng, nâng cao và phát triển các kiến thức ngôn ngữ và kỹ năng giao tiếp đã được học trong chương trình nâng cao. Tuy nhiên, giáo viên có thể mở rộng các chủ đề cho phù hợp với năng lực của học sinh với điều kiện các chủ đề đó không khó hơn 20% so với chương trình nâng cao lớp 12 THPT.
- Đảm bảo sự hài hoà và cân đối trong nội dung dạy học và phân bổ thời gian giữa các chuyên đề (nghe-nói, đọc và viết), giữa luyện tập các kỹ năng với nâng cao kiến thức ngôn ngữ.

3. Phương pháp và phương tiện dạy học

Phương pháp dạy học cho chương trình chuyên cũng tuân thủ quan điểm chung của môn ngoại ngữ ở trường phổ thông đó là quan điểm giao tiếp và quan điểm coi học sinh là chủ thể của hoạt động dạy và học.

Quan điểm giao tiếp nhấn mạnh việc hình thành và phát triển các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết là mục tiêu cuối cùng và đồng thời là phương thức cơ bản của hoạt động dạy học. Các kiến thức ngôn ngữ như ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp là phương tiện, điều kiện hình thành các kỹ năng.

Học sinh là chủ thể của hoạt động học tập nghĩa là các em được tham gia học tập và hoạt động giao tiếp tích cực, chủ động, sáng tạo và với tinh thần hợp tác cao. Học sinh cần luyện tập thực hành giao tiếp một cách có ý thức trong hoạt động học tập trên lớp và tự học.

Giáo viên tổ chức và hướng dẫn học sinh tham gia tích cực vào quá trình học tập thông qua các hoạt động cá nhân, theo cặp và nhóm. Giáo viên cần kết hợp hài hoà các phương pháp và kỹ thuật dạy học, sử dụng hiệu quả các thiết bị, đồ dùng dạy học và các tài liệu hỗ trợ nhằm tạo hứng thú học tập cho học sinh. Giáo viên cần sử dụng tiếng mẹ đẻ một cách hợp lý và có hiệu quả trong quá trình dạy học.

4. Đánh giá kết quả học tập

Việc kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh cần được thực hiện theo các văn bản hướng dẫn chung của Bộ GD&ĐT. Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập cần tuân thủ mục tiêu và nội dung dạy học của chương trình nâng cao và chuyên sâu lớp 12. Đó là kiểm tra, đánh giá bốn kỹ năng giao tiếp trong khuôn khổ các kiến thức ngôn ngữ được quy định trong chuẩn kiến thức, kỹ năng của chương trình và SGK nâng cao và các nội dung chuyên sâu.

Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh cần được thực hiện qua hai phương thức kiểm tra: thường xuyên và định kì. Các hình thức kiểm tra cần đa dạng, bao gồm kiểm tra miệng, kiểm tra 15 phút, kiểm tra một tiết, kiểm tra học kì và kiểm tra hết năm. Nội dung kiểm tra cần được thực hiện cân đối giữa trắc nghiệm khách quan (khoảng 70-75%) và tự luận (khoảng 25-30%).

Đánh giá kết quả học tập của học sinh phải được thực hiện thông qua cả bốn kỹ năng (nghe, nói, đọc, viết) và kiến thức ngôn ngữ (ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp) theo tỉ lệ: nghe 20%, nói 20%, đọc 20%, viết 20% và kiến thức ngôn ngữ 20%.

5. Sách giáo khoa và tài liệu tham khảo

5.1 Sách giáo khoa

Sách giáo khoa chính thức: Tiếng Anh 12, Sách dùng cho Ban KHXH và Nhân văn, NXBGD

Sách giáo khoa tham khảo: Tiếng Anh 12, Sách dùng cho Ban KHTN và Cơ bản, NXBGD

Các sách bài tập, sách chuyên khảo liên quan đến SGK tiếng Anh lớp 12, NXBGD

5.2 Tài liệu tham khảo

Dạy ngữ pháp và từ vựng:

Understanding and Using English Grammar by Betty Schramper Azar

Intermediate Language Practice by Michael Vince

Advanced Language Practice by Michael Vince (chung cho lớp 11 & 12)

TOEFL Grammar Workbook by Phyllis L. Lim and Mary Kurtin

Vocabulary in use Intermediate & Vocabulary in use Upper Intermediate by Redman

First Certificate Language Practice by Michael Vince (chung cho lớp 11 & 12)

Dạy nghe & nói:

Listen Carefully by Jack Richards

Listening and Speaking by Malcolm Mann & Steve Taylore-Knowles

Tactics for Listening by Jack Richards

Dạy đọc và từ vựng:

Section 3 Reading Comprehension of TOEFL CBT Success by Bruce Rogers (chung cho lớp 11 & 12)

Causes and Effect by Patricia Ackert

Successful Reading by Colin Swatridge

Dạy viết:

Paragraph Writing by Dorothy E Zemach & Carlos Islam

College Writing by Dorothy E Zemach & Lisa A Rumisek

Tài liệu dụng cho kiểm tra:

Test your Reading & Test your Listening & Test your Phrasal Verbs by Tricia Aspinall
Test Your English Vocabulary In Use by Stuart Redman & Ruth Gairns
Cambridge First Certificate Examination Practice 1-5 do Nguyễn Phương Sửu giới thiệu và chú giải

Tài liệu tra cứu khác:

A Practical English Grammar by A.J Thomson and A.V. Martinet
Practical English Usage by Michael Swan
Oxford Guide to English Grammar by John Eastwood
Right Word Wrong Word by L.G. Alexander